TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106a/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/9/2019
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân Thanh
Ông Trần Huy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An không tham gia phiên toà.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/QĐ-ST ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Tr, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khối 4, phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phan Văn A, sinh năm 1989.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 16, xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An;

Địa chỉ hiện nay: Nhà trọ Donga, 304room, 8-1 Saneop-ro 22-gil, Gumi-si, Gyeongsangbuk-do, Korea (Hàn Quốc). Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Mai Thị Tr trình bày: Chị và anh Phan Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/9/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc với nhau được 3 năm. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh Phan Văn A đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau khi đi Hàn Quốc thời gian đầu anh Phan Văn A thường xuyên liên lạc về với gia đình, quan tâm, gửi tiền về nuôi con hàng tháng. Tuy nhiên đến năm 2017, chị phát hiện anh Phan Văn A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, từ đó mỗi lần liên lạc hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vả, anh A không gửi tiền về nuôi con. Trong thời gian ở Hàn Quốc, anh Phan Văn A có về nước hai lần vào cuối năm 2017 và tết năm 2018 nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Sau khi anh A quay trở lại Hàn Quốc thì anh A ít liên lạc với chị, thậm chí còn đề nghị chị phải ly hôn. Từ năm 2018 đến nay, chị và anh A không còn liên lạc với nhau nữa. Anh A cũng không có trách nhiệm với các con. Nay chị thấy vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn A.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn A có hai con chung là Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 29/3/2013 và Phan Thị Bảo Vy, sinh ngày 09/3/2015. Hiện nay hai con đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Khi làm đơn khởi kiện chị đề nghị được nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh Phan Văn A cấp dưỡng nuôi 2 con là 4.000.000 đồng/tháng nhưng hiện tại chị đang làm nghề kinh doanh thuốc tân dược, thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng và có chỗ ở ổn định tại khối 4, phường Cửa Nam nên chị thấy tự mình có đủ khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng, chăm sóc con, vì vậy chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn A vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có văn bản trình bày ý kiến, quan điểm về việc ly hôn như sau: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, anh Phan Văn A đã biết được chị Mai Thị Tr khởi kiện xin ly hôn anh. Anh thừa nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như chị Tr đã trình bày. Hai vợ chồng chung sống với nhau được 4 năm thì năm 2015 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian sống và làm việc tại Hàn Quốc anh thường xuyên điện thoại về cho vợ con. Mâu thuẫn vợ chồng xuất hiện khi chị Tr nghi ngờ anh có quan hệ ngoài luồng và cộng với việc chị Tr tham gia vào công ty đa cấp đi sớm về khuya bỏ bê con cái. Khoảng 02 năm nay, vợ chồng đã không còn gọi điện thoại, nhắn tin cho nhau, cả hai đều không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể dung hòa được. Nay, chị Mai Thị Tr yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh Phan Văn Anh thừa nhận vợ chồng có hai con chung như chị Mai Thị Tr trình bày. Hiện nay, hai con đang sống với chị Tr. Ly hôn, anh có

nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo Vy, còn chị Tr sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phan Thị Kim Ngân. Về cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo Vy nên anh không cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Hiện tại anh đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn với chị Tr nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh. Mọi giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án, anh đề nghị Tòa án gửi qua bố của anh là ông Phan Văn Hồng, địa chỉ: Xóm 16, xã Hưng Thắng, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ông Hồng sẽ có trách nhiệm thông báo và gửi cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn đã được thẩm tra tại phiên toà và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn A hiện đang ở nước ngoài không thể về nước để hòa giải và trực tiếp tham gia phiên tòa được nhưng anh A đã có bản tự khai trình bày ý kiến về việc giải quyết ly hôn giữa chị Mai Thị Tr với anh và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh. Bản tự khai trình bày ý kiến của anh Phan Văn A gửi cho Tòa án đã được hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc và được ông Phan Văn Hồng bố đẻ anh A xác nhận. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 447 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh Phan Văn A.

[2]. Về quan hệ tình cảm: Chị Mai Thị Tr và anh Phan Văn A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 3 năm, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên anh A đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Quá trình anh A sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Mai Thị Tr nghi ngờ anh Phan Văn A có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, còn anh A không đồng ý cho chị Mai Thị Tr tham gia vào công ty đa cấp. Khoảng 02 năm nay vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau, không còn tiếng nói chung và thiếu tin tưởng lẫn nhau, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết vụ án chị Tr và anh A đều thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và mong muốn được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Mai Thị Tr và anh Phan Văn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Mai Thị Tr được ly hôn với anh Phan Văn A.

[3]. Về con chung: Chị Mai Thị Tr và anh Phan Văn A có hai con chung là Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 29/3/2013 và Phan Thị Bảo Vy, sinh ngày 09/3/2015. Hiện nay hai con chung đang được chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; anh A có ý kiến được nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo Vy, còn chị Tr sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Thị Kim Ngân và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr. Xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị Tr và anh A là chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay anh A đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; chị Tr đang ở trong nước có chỗ ở và thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo đúng quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Anh A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Tr và anh Phan Văn A khai không có tài sản chung, không có nợ chung. Chị Tr không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Mai Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 147, khoản 4 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58**,** 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Mai Thị Tr và anh Phan Văn A được ly hôn.

[2]. Về con chung: Giao hai con chung là Phan Thị Kim Ngân, sinh ngày 29/3/2013 và Phan Thị Bảo Vy, sinh ngày 09/3/2015 cho chị Mai Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr không yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Anh Phan Văn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Mai Thị Tr không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Mai Thị Tr phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003967 ngày 05/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

[5]. Chị Mai Thị Tr có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Văn A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Hưng Thắng, H.Hưng Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Từ